TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sinh

2. Ông Dương Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp R, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp R, xã N, tỉnh Vĩnh Long). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Thạch Minh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà VInh (nay là ấp R, xã N, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt không lý do

- *Con chung:*

Cháu Thạch Minh T1, sinh ngày 01/02/2007

Cháu Thạch Thị Mỹ E sinh ngày 07/4/2017

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn bà Thạch Thị L trình bày, yêu cầu:

Về hôn nhân, bà và ông Thạch Minh T trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 13/4/2007. Sau khi hết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng khoảng hai năm nay ông T không còn ở chung nhà với bà, không quan tâm, chăm sóc vợ, con và đã có người phụ nữ khác bên ngoài nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung, bà và ông Thạch Minh T có hai con chung tên Thạch Minh T1 sinh ngày 01/02/2007 và Thạch Thạch Thị Mỹ E sinh ngày 07/4/2017, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông Thạch Minh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung, không có nên bà không yêu cầu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị L cho rằng:

Bà vẫn giữ yêu cầu ly hôn nguyên nhân do sau khi kết hôn và có thời gian bà và ông Thạch Minh T đi làm thuê ở Bình Phước, sau đó chuyển về Bình Dương được khoảng 03 năm thì ông T bắt đầu có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác sinh sống chung dãy nhà trọ và từ đó đã nhiều lần ông T đánh bà. Vì không thể chấp nhận việc ông T không chung thuỷ và bị ông T đánh nên bà đã trở về quê tại ấp R, xã N sinh sống đến nay và sau khi bà về quê được khoảng 01 tháng thì ông T đã chuyển qua sống chung phòng trọ với người phụ nữ đó đến nay, do tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà không yêu cầu đoàn tụ.

Bà và ông Thạch Minh T có hai con chung là Thạch Minh T1 sinh ngày 01/02/2007 hiện đã trưởng thành có công việc làm ổn định nên bà không yêu cầu nuôi con. Riêng Thạch Thị Mỹ E sinh ngày 07/4/2017 hiện do bà nuôi dưỡng nên sau ly hôn bà yêu cầu nuôi tiếp và không yêu cầu ông Thạch Minh T cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung, nợ chung, bà vẫn khai xác nhận không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác.

Bị đơn ông Thạch Minh T vắng mặt tham gia tố tụng nên không có lời trình bày, yêu cầu:

Tại ý kiến của cháu Thạch Thị Mỹ E sinh ngày 07/4/2017 (đủ 07 tuổi trở lên) trình bày nguyện vọng như sau: Cháu tự nguyện yêu cầu được ở với mẹ là bà Thạch Thị L khi cha, mẹ ly hôn.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng thep quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà L và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định, thì đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung do ông T ngoại tình, không chung thủy, có hành vi bạo lực gia đình và hai người đã ly thân hơn hai năm nên bà L yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Con chung Thạch Minh T1 sinh ngày 01/02/2007 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Đối với Thạch Thị Mỹ E sinh ngày 07/4/2017 thì giao cho bà L nuôi dưỡng là đúng nguyện vọng của con, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ đó nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông T; Giao con chung Thạch Thị Mỹ E cho bà L nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, bà L không yêu cầu và về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét giải quyết; Về án phí, buộc bà L chịu án phí ly hôn theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Thạch Thị L khởi kiện ông Thạch Minh T có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long), nội dung yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Toà án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Toà án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Sự vắng mặt của nguyên đơn bà Thạch Thị L là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Thạch Minh T là vắng mặt không lý do. Nhận thấy, ông Thạch Minh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai mà vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, bà Thạch Thị L và ông Thạch Minh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển 01 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 03/4/2007 (bút lục 05) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

[4] Bà Thạch Thị L cho rằng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã có thông báo hoà giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, mà ông Thạch Minh T vắng mặt, Toà án có động viên, giải thích, đồng thời thuyết phục bà L hàn gắn tình nghĩa vợ chồng mà không thành, bà kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn và yêu cầu

nuôi con. Đối với ông Thạch Minh T có biết việc bà L khởi kiện mà không có văn bản phản đối hoặc đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình trong vụ án, tại thời điểm xét xử hai người không còn sống chung và bà bà Thạch Thị L không yêu cầu đoàn tụ, điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận cho bà Thạch Thị L và ông Thạch Minh T ly hôn.

[5] Đối với con chung cháu Thạch Minh T1 sinh ngày 01/02/2007 và cháu Thạch Thị Mỹ ES ngày 07/4/2017, qua giấy khai sinh (bút lục 03, 04) thể hiện cháu T1 đã đã thành niên và có khả năng lao động, đương sự không có yêu cầu về con chung nên không giải quyết. Đối với cháu Thạch Thị Mỹ T2 đã đủ từ 07 tuổi trở lên và có ý kiến trình bày nguyện vọng tự nguyện yêu cầu ở với bà L (bút lục 19). Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã có giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tại các điều 82, 83, 107 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng đương sự xác định không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Nhận thấy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của cháu T2 và xác minh tại địa phương (bút lục 21) thời điểm xét xử vụ án, cháu T2 do bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong điều kiện đáp ứng các nhu cầu thiết yếu nên có cơ sở giao cháu T2 cho bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Sau ly hôn người trực tiếp nuôi con có quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị L khai xác nhận không có, ông Thạch Minh T không có văn bản phản đối hoặc đưa ra yêu cầu tranh chấp gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên cho rằng, vụ án chưa đảm bảo về thời hạn xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhận thấy, phát biểu của Kiểm sát viên là đúng nên Thẩm phán cần nghiêm túc rút nghiệm và khắc phục triệt để. Đối với phát biểu đề nghị việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị L.

1. Về hôn nhân:

Cho bà Thạch Thị L ly hôn với ông Thạch Minh T.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu Thạch Thị Mỹ ES ngày 07/4/2017 cho Thạch Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, nguyện vọng của cháu T2 cũng yêu cầu ở với bà L.

Về cấp dưỡng cho con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết (sau khi ly hôn người trực tiếp nuôi con được quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự khai xác nhận không có, không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc bà Thạch Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0014335 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Vĩnh Long) nên không phải nộp tiếp.

Ông Thạch Minh T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Thị Hồng Nga